

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

	Chức vụ	
Bà Đỗ Thị Cẩm Thúy (*)	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31/10/2011
Ông Lê Xuân Điều	Phó Chủ tịch	
Ông Đỗ Phan Thắng	Phó Chủ tịch	
Đoàn Mạnh Hùng	Thành viên	
Nhâm Thị Hà	Thành viên	

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Phan Thắng (*)	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/09/2011
Ông Cao Ngọc Soạn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Quốc Khánh	Giám đốc điều hành	

(*) Ông Đoàn Quốc Tuấn giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc mất trong năm 2011 và được thay thế bởi Bà Đỗ Thị Cẩm Thúy và Ông Đỗ Phan Thắng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Đỗ Phan Thắng
Tổng Giám đốc

Hòa Bình, ngày 31 tháng 03 năm 2012

Số: /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm : Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo được lập ngày 25/02/2012 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 04 đến trang 20. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ những hạn chế phạm vi kiểm toán dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán đề ngày 21/03/2011 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Công ty đã thực hiện việc kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2011 tuy nhiên tại thời điểm kiểm kê Công ty chưa chốt được số liệu kế toán liên quan đến tiền mặt, hàng tồn kho nên không có cơ sở để so sánh với số liệu thực tế tồn tại ngày 31/12/2011. Qua quan sát quá trình kiểm kê của Công ty, chúng tôi đánh giá rằng phương pháp kiểm kê của Công ty không thể cung cấp các bằng chứng đầy đủ và thích hợp về tính hiện hữu của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2011. Chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục thay thế khác để xác nhận giá trị tiền, hàng tồn kho này. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về giá trị và tính hiện hữu của khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho tại ngày 31/12/2011 cũng như ảnh hưởng của chúng tới báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty.

Công ty không thực hiện đánh số đầy đủ các phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho. Công ty không lưu giữ đầy đủ các bằng chứng của các nghiệp vụ mua hàng hóa, nguyên vật liệu, ghi nhận doanh thu. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu của các nghiệp vụ này cũng như ảnh hưởng của chúng tới báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty.

Tại ngày 31/12/2011, số dư phải thu khác với giá trị là 16.706.706.371 đồng, chưa được Công ty đối chiếu, xác nhận. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để xác nhận được số dư của các khoản công nợ chưa được xác nhận nêu trên. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn về giá trị và tính hiện hữu của khoản công nợ nêu trên tại ngày 31/12/2011 cũng như ảnh hưởng của chúng tới các số liệu khác được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Hạn chế phạm vi kiểm toán (Tiếp theo)

Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng đầy đủ, thích hợp về tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty tại các Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Sầm Sơn, Công ty Cổ phần Đá Split và Báo cáo tài chính của các Công ty này tại thời điểm 31/12/2011. Do đó chúng tôi không đánh giá được tính chính xác của tỷ lệ sở hữu vốn và mức dự phòng cần trích lập (nếu có) của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày 31/12/2011.

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, do ảnh hưởng trọng yếu của các vấn đề hạn chế trong phạm vi kiểm toán nêu trên, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến của mình về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV

Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1450/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		84.534.640.278	68.757.215.843
I-	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		66.280.652	53.462.993.204
1.	Tiền	111	4	66.280.652	53.462.993.204
III-	Các khoản phải thu	130		35.776.949.882	8.082.255.368
1.	Phải thu của khách hàng	131		3.662.602.584	7.501.950.875
2.	Trả trước cho người bán	132		16.029.703.819	1.184.331.014
3.	Các khoản phải thu khác	135	5	16.706.706.371	18.036.371
4.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(622.062.892)	(622.062.892)
IV-	Hàng tồn kho	140	6	7.925.173.847	6.582.610.340
1.	Hàng tồn kho	141		7.925.173.847	6.582.610.340
V-	Tài sản ngắn hạn khác	150		40.766.235.897	629.356.931
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	201.195.344
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.713.199	-
3.	Tài sản ngắn hạn khác	158	7	40.753.522.698	428.161.587
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220)	200		28.075.010.389	12.891.179.179
I-	Tài sản cố định	220		22.175.736.389	11.128.929.179
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	8	21.817.308.582	10.842.060.012
-	<i>Nguyên giá</i>	222		25.129.962.319	12.825.646.158
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.312.653.737)	(1.983.586.146)
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	358.427.807	286.869.167
III-	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	5.887.250.000	1.762.250.000
1.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		887.250.000	1.762.250.000
2.	Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000.000	-
IV-	Tài sản dài hạn khác	260		12.024.000	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		12.024.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		270		112.609.650.667	81.648.395.022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÁU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A-	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		10.035.623.862	13.754.991.530
I-	Nợ ngắn hạn	310		9.609.308.846	13.112.012.522
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	11	222.500.000	199.602.752
2.	Phải trả cho người bán	312		2.373.667.960	7.774.263.064
3.	Người mua trả tiền trước	313		610.270.365	30.534.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	3.998.758.961	3.034.958.597
5.	Phải trả người lao động	315		212.907.515	244.864.649
6.	Chi phí phải trả	316	13	1.834.165.453	-
7.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		168.177.886	1.522.986.754
8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	14	188.860.706	304.802.706
II-	Nợ dài hạn	330		426.315.016	642.979.008
1.	Vay và nợ dài hạn	334	15	426.315.016	642.979.008
		338			
B-	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		102.574.026.805	67.893.403.492
I-	Vốn chủ sở hữu	410	16	102.574.026.805	67.893.403.492
1.	Vốn điều lệ	411		62.700.000.000	36.665.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		28.059.106.364	23.955.000.000
3.	Quỹ đầu tư phát triển	417		1.150.231.189	1.150.231.189
4.	Quỹ dự phòng tài chính	418		441.618.901	441.618.901
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.223.070.351	5.681.553.402
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		440		112.609.650.667	81.648.395.022

Đỗ Phan Thăng
Tổng Giám đốc
Hòa Bình, ngày 31 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Thị Tuyết
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

NỘI DUNG	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	30.793.865.641	26.134.248.273
2. Các khoản giảm trừ	02		2.686.363.600	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		28.107.502.041	26.134.248.273
4. Giá vốn hàng bán	11	18	17.666.094.590	12.949.404.573
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		10.441.407.451	13.184.843.700
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	36.854.838	51.918.481
7. Chi phí tài chính	22	21	153.326.425	47.808.799
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		149.657.162	-
8. Chi phí bán hàng	24		1.766.503.107	926.216.356
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.710.749.178	2.118.197.340
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		6.847.683.579	10.144.539.686
11. Thu nhập khác	31		89.100.000	326.745.000
12. Chi phí khác	32		667.654.780	528.990.980
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(578.554.780)	(202.245.980)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.269.128.799	9.942.293.706
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	1.727.611.850	2.576.838.668
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		4.541.516.949	7.365.455.038
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	738	4.617

Đỗ Phan Thăng
Tổng Giám đốc
Hòa Bình, ngày 31 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Thị Tuyết
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	34.645.858.745	23.244.520.582
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(39.012.202.457)	(10.484.711.870)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(2.049.971.502)	(2.029.025.613)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(149.657.162)	(52.768.799)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(1.424.482.634)	(331.975.357)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	6.362.524.848	559.109.309
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(63.731.631.575)	(3.208.317.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(65.359.561.737)	7.696.831.117
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.534.747.777)	(1.098.645.525)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.125.000.000)	(1.462.250.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	36.135.706	51.918.481
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.623.612.071)	(2.508.977.044)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	31.232.000.000	47.930.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.800.000.000	2.010.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.993.766.744)	(1.787.418.240)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.451.772.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	29.586.461.256	48.152.581.760
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(53.396.712.552)	53.340.435.833
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	53.462.993.204	122.557.371
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	66.280.652	53.462.993.204

Đỗ Phan Thăng
Tổng Giám đốc
Hòa Bình, ngày 31 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Thị Tuyết
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình (tiền thân là Công ty Cung ứng vật tư Khoáng sản Hòa Bình) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 25.03.000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 23/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 22/02/2011.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần thứ 10) là 62,7 tỷ đồng và đến ngày 31/12/2011 đã được các cổ đông góp đủ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 17 người (tại ngày 31/12/2010 là 19 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động dịch vụ khai thác mỏ và quặng khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phụ kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất gạch, vôi, đá sê, cốt tạo dáng, hoàn thiện đá sê; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng; Vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Phá dỡ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm: quặng kim loại màu (trừ quặng uranium và quặng thorium);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn, bán lẻ than đá, nhiên liệu rắn, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Làm đại lý, môi giới, đấu giá.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm: Công ty Cổ phần Đá Spilit, Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Sầm Sơn, Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong năm nay, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15-20
Máy móc thiết bị	3-15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6-20

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Tại ngày 31/12/2011, Công ty không có tài sản cũng như công nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận do không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị tài sản và công nợ ghi sổ được trình bày trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập có thể được sử dụng trong tương lai.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về các loại thuế sẽ tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Tiền mặt tại quỹ	50.253.867	45.361.423.174
- Tiền gửi ngân hàng	16.026.785	8.101.570.030
	66.280.652	53.462.993.204

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Cho cá nhân vay (*)	5.107.200.000	18.036.371
- Cho cá nhân vay (**)	11.581.470.000	-
- Phải thu khác	18.036.371	-
	16.706.706.371	18.036.371

Ghi chú:

(*) Đây là khoản cho các cá nhân là cổ đông của Công ty vay; Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%; Tài sản thế chấp chính là cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình mà cá nhân nắm giữ; Phương thức cho vay là chuyển khoản vào tài khoản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt và hoàn trả 01 lần.

(**) Đây là khoản cho các cá nhân là cổ đông của Công ty vay; Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%; Tài sản thế chấp chính là cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình mà cá nhân nắm giữ; Phương thức cho vay là chuyển khoản vào tài khoản chứng khoán của Bà Đỗ Thị Cẩm Thúy mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông và hoàn trả 01 lần.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	4.348.968.456	4.911.777.475
- Công cụ, dụng cụ trong kho	19.542.814	171.216.182
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	32.308.757	94.159.249
- Thành phẩm	2.841.773.850	678.555.314
- Hàng hoá tồn kho	682.579.970	726.902.120
	7.925.173.847	6.582.610.340

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Tạm ứng hoạt động kinh doanh	328,161,587	428,161,587
- Tạm ứng cho Ông Đoàn Quốc Tuấn (i)	40,425,361,111	
<i>Mỏ Tân Minh (*)</i>	2,000,000,000	-
<i>Mỏ Tân Lạc (*)</i>	1,000,000,000	-
<i>Mỏ Tiên Sơn (*)</i>	5,000,000,000	-
<i>Dự án nhà máy chế biến đá Quartz (**)</i>	8,875,000,000	-
<i>Dự án nhà máy chế biến khoáng sản Mông Hóa, Kỳ Sơn (***)</i>	23,550,361,111	-
	40,753,522,698	428,161,587

Ghi chú:

(i) Đây là khoản tạm ứng cho Ông Đoàn Quốc Tuấn để thực hiện các dự án của Công ty, đến thời điểm 31/12/2011 khoản tạm ứng đã được chuyển cho Bà Đỗ Thị Cẩm Thúy để tiếp tục thực hiện các dự án dưới đây:

(*) *Tạm ứng liên quan đến dự án đầu tư mở rộng mỏ, tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 18 tỷ đồng.*

(**) *Tạm ứng liên quan đến dự án đầu tư nhà máy chế biến đá Quartz Thành Lập, tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 14,6 tỷ đồng.*

(***) *Tạm ứng liên quan đến dự án đầu tư nhà máy chế biến khoáng sản tại Mông Hóa, Kỳ Sơn, tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 43 tỷ đồng.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P.tiện vận tải, t.bị truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 31/12/2010	4.144.454.491	5.656.181.476	3.025.010.191	12.825.646.158
Tăng trong kỳ	9.928.924.614	2.375.391.547	-	12.304.316.161
- Mua sắm mới	232.000.070	1.777.900.000	-	2.009.900.070
- XDCB bàn giao	9.696.924.544	597.491.547	-	10.294.416.091
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	14.073.379.105	8.031.573.023	3.025.010.191	25.129.962.319
HAO MÒN LUỸ KẾ				
Số dư tại 31/12/2010	784.808.991	612.128.538	586.648.617	1.983.586.146
Tăng trong năm	370.895.322	685.357.556	272.814.713	1.329.067.591
- Trích khấu hao trong kỳ	370.895.322	685.357.556	272.814.713	1.329.067.591
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	1.155.704.313	1.297.486.094	859.463.330	3.312.653.737
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 31/12/2010	3.359.645.500	5.044.052.938	2.438.361.574	10.842.060.012
Số dư tại 31/12/2011	12.917.674.792	6.734.086.929	2.165.546.861	21.817.308.582

Trong đó, Giá trị còn lại của tài sản cố định là ô tô đã thế chấp cho các khoản vay là 1.162.064.728 VND.
Nguyên giá của tài sản hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 175.000.000 VND.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
- Số dư đầu kỳ	286.869.167	250.283.571
- Chi phí phát sinh trong kỳ	9.768.483.184	36.585.596
- Ghi giảm chi phí trong kỳ	9.696.924.544	-
Số dư cuối kỳ	358.427.807	286.869.167

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011		31/12/2010	
	VND	Tỷ lệ sở hữu	VND	Tỷ lệ sở hữu
- Công ty cổ phần khai thác khoáng sản Sầm Sơn	887.250.000	25,00%	887.250.000	25,00%
- Công ty cổ phần đá Spilit	5.000.000.000	16,61%	875.000.000	25,00%
	5.887.250.000		1.762.250.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả		
- Ngân hàng TNHH MTV ANZ	130.000.000	107.102.744
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC	92.500.000	92.500.008
	222.500.000	199.602.752

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	565.537.314	136.008.839
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.322.230.342	2.844.517.251
- Thuế TNCN	30.033.798	-
- Thuế môn bài	1.000.000	1.000.000
- Thuế tài nguyên	67.795.459	45.370.459
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	12.162.048	8.062.048
	3.998.758.961	3.034.958.597

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thiết bị và XL CN - Tiền thi công nhà máy Thành Lập	1.834.165.453	-
	1.834.165.453	-

15. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Bảo hiểm y tế	37.697.082	18.134.661
- Bảo hiểm xã hội	24.226.048	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	11.361.441	2.888.432
- Phải trả phải nộp khác	94.893.315	1.501.963.661
	168.177.886	1.522.986.754

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Ngân hàng TNHH MTV ANZ (*)	249.035.035	373.187.350
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (**)	177.279.981	269.791.658
	426.315.016	642.979.008

Ghi chú:

(*) Hợp đồng vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV ANZ số AF02540514 ngày 05/07/2010; Hạn mức tín dụng là 520.000.000 VND; thời hạn vay 48 tháng, lãi suất điều chỉnh 6 tháng 1 lần; Mục đích vay là mua xe ô tô, tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là xe Fortuner trị giá 786.195.455 đồng.

(**) Hợp đồng vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC số VHNPF100341CAR ngày 26/10/2010; Hạn mức tín dụng là 370.000.000 VND; thời hạn vay 48 tháng; Lãi suất thả nổi; Mục đích vay là mua xe ô tô, tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là xe ô tô KIA NEW CARENTS trị giá 559.017.273 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	222.500.000	199.602.752
Trong năm thứ hai	222.500.000	216.663.992
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	203.815.016	426.315.016
Sau năm năm	-	-
	648.815.016	842.581.760
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	222.500.000	199.602.752
Số phải trả sau 12 tháng	426.315.016	642.979.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 31/12/2009	12.700.000.000	-	413.685.685	73.346.149	1.313.189.372	14.500.221.206
Tăng trong năm trước	23.965.000.000	23.965.000.000	736.545.504	368.272.752	4.368.364.030	53.403.182.286
Phát hành cổ phiếu	23.965.000.000	23.965.000.000	-	-	-	47.930.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	736.545.504	368.272.752	(2.997.091.008)	(1.892.272.752)
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	7.365.455.038	7.365.455.038
Giảm trong năm trước	-	10.000.000	-	-	-	10.000.000
Giảm khác	-	10.000.000	-	-	-	10.000.000
Số dư ngày 31/12/2010	36.665.000.000	23.955.000.000	1.150.231.189	441.618.901	5.681.553.402	67.893.403.492
Tăng trong kỳ này	26.035.000.000	5.207.000.000	-	-	4.541.516.949	35.783.516.949
Phát hành cổ phiếu (*)	26.035.000.000	5.207.000.000	-	-	-	31.242.000.000
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	4.541.516.949	4.541.516.949
Giảm trong kỳ này	-	1.102.893.636	-	-	-	1.102.893.636
Chi phát hành cổ phiếu	-	1.102.893.636	-	-	-	1.102.893.636
Số dư ngày 31/12/2011	62.700.000.000	28.059.106.364	1.150.231.189	441.618.901	10.223.070.351	102.574.026.805

Ghi chú: (*) Từ ngày 11/01/2011 đến ngày 17/01/2011, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông là cán bộ công nhân viên của Công ty như sau:

- Phát hành cho cổ đông hiện hữu của Công ty: Thực hiện việc phát hành 2.540.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:2 (sở hữu 01 cổ phần sẽ được quyền mua 02 cổ phần) với mệnh giá 12.000VND/cổ phần.

- Phát hành cho cán bộ nhân viên của Công ty: Thực hiện việc phát hành 63.500 cổ phiếu cho các cán bộ nhân viên với mệnh giá 12.000VND/cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp)

Vốn điều lệ

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10, vốn điều lệ của Công ty là 62,7 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ theo		Vốn điều lệ đã góp	
	Giấy đăng ký kinh doanh		tại ngày 31/12/2011	
	VND	(%)	VND	(%)
- Đoàn Quốc Tuấn (*)	10.006.000.000	15,96%	10.006.000.000	15,96%
- Đỗ Phan Thắng	1.900.000.000	3,03%	1.900.000.000	3,03%
- Lê Xuân Điều	160.000.000	0,26%	160.000.000	0,26%
- Nhâm Thị Hà	1.490.000.000	2,38%	1.490.000.000	2,38%
- Đoàn Mạnh Hùng	1.410.000.000	2,25%	1.410.000.000	2,25%
- Cổ đông khác	47.734.000.000	76,13%	47.734.000.000	76,13%
Cộng	62.700.000.000	100,0%	62.700.000.000	100,0%

(*) Trong năm 2011, Ông Đoàn Quốc Tuấn đã mất. Toàn bộ cổ phiếu sở hữu bởi Ông Đoàn Quốc Tuấn chưa được công bố di chúc nên chưa được trình bày lại.

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty

	31/12/2011	31/12/2010
Cổ phiếu phổ thông		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	6.270.000	3.666.500 cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	6.270.000	3.666.500 cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000 đồng/cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	6.270.000	3.666.500 cổ phiếu

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.793.865.641	26.134.248.273
	30.793.865.641	26.134.248.273

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.666.094.590	12.949.404.573
	17.666.094.590	12.949.404.573

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.254.872.842	10.694.646.519
Chi phí nhân công	2.315.417.765	2.084.048.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.110.443.961	588.936.099
Chi phí dịch vụ mua ngoài	367.206.316	267.786.758
Chi phí khác	95.405.990	2.358.400.290
	21.143.346.875	15.993.818.269

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	36 135 706	51.918.481
- Chênh lệch tỷ giá	719.132	-
	36.854.838	51.918.481

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	149.657.162	47.808.799
- Lỗ tỷ giá hối đoái và bán ngoại tệ	3.669.263	-
	153.326.425	47.808.799

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.269.128.799	9.942.293.706
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	641.318.601	365.060.966
<i>Truy thu, nộp phạt thuế</i>	<i>174.583.875</i>	<i>329.178.746</i>
<i>Chi phí khấu hao trong giai đoạn dừng sản xuất</i>	<i>35.882.220</i>	<i>35.882.220</i>
<i>Chi phí không có chứng từ</i>	<i>281.195.344</i>	-
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>149.657.162</i>	-
Thu nhập chịu thuế	6.910.447.400	10.307.354.672
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.727.611.850	2.576.838.668
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.727.611.850	2.576.838.668

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
	4.541.516.949	7.365.455.038
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu (2)	6.150.325	1.595.302
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3) = (1) / (2)	738	4.617
- Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thông tin về các bên liên quan

Bà Đỗ Thị Cẩm Thúy là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình, đồng thời kiêm chức vụ Giám đốc tại Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp trong năm 2010 (nắm giữ 47,37% vốn điều lệ). Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp có trụ sở tại số 87 phố Hoàng Ngân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội. Bà Đỗ Thị Cẩm Thúy còn là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình tại Công ty Cổ phần Đá Split có trụ sở tại xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa và là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Sầm Sơn có trụ sở tại tiểu khu 4, Thị trấn Lương Sơn, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trong năm 2011, giao dịch chủ yếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình với các bên liên quan là mua bột thạch anh, bột talc, đá xẻ, máy móc thiết bị. Giá trị giao dịch thể hiện cụ thể như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Thiết bị và XL CN	17.521.928.750	16.586.520.000
Công ty Cổ phần đá SPILIT	2.909.000.000	2.788.082.000
Cộng	20.430.928.750	19.374.602.000
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Thiết bị và XL CN	10.573.688.473	3.178.761.999
Công ty Cổ phần đá SPILIT	4.444.000.000	7.669.664.000
Chi nhánh Công ty CP Khai Thác Khoáng Sản Sầm Sơn	-	1.720.047.183
Cộng	15.017.688.473	12.568.473.182

Số dư với các bên liên quan

	Năm 2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu		
Công ty Cổ phần Thiết bị và XL CN	-	3.183.858.010
Công ty Cổ phần đá SPILIT	549.900.000	-
Cộng	549.900.000	3.183.858.010
Số khách hàng ứng trước		
Công ty Cổ phần Thiết bị và XL CN	560.270.365	-
Cộng	560.270.365	-
Phải trả		
Công ty Cổ phần Thiết bị và XL CN	560.270.365	-
Công ty Cổ phần đá SPILIT	837.950.750	3.188.750.750
Chi nhánh Công ty CP Khai Thác Khoáng Sản Sầm Sơn	-	1.670.317.143
Cộng	1.398.221.115	4.859.067.893
Số ứng trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Thiết bị và XL CN	15.138.405.740	-
Chi nhánh Công ty CP Khai Thác Khoáng Sản Sầm Sơn	49.682.857	-
Cộng	15.188.088.597	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
- Tiền lương Ban Giám đốc	109.519.230	84.000.000
	109.519.230	84.000.000

26. THAY ĐỔI CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY

Theo Nghị quyết số 172/2011/KHB/NQ-HĐQT ngày 31/10/2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình quyết định bổ nhiệm Bà Đỗ Thị Cẩm Thúy – Vợ Cố Chủ tịch Đoàn Quốc Tuấn giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình.

27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ngày 15/02/2012, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần thứ 11, Theo đó người đại diện theo pháp luật của Công ty được chuyển thành Ông Đỗ Phan Thắng.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

Đỗ Phan Thắng
Tổng Giám đốc

Hòa Bình, ngày 31 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Thị Tuyết
Kê toán trưởng